

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN
ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2024/HNGĐ-ST

Ngày 21 – 3 - 2024

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Biện Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Thanh Bự

Ông Nguyễn Hoài Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Hoàng M, sinh năm: 1994 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp XR, xã QPB, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Chị Lái Thị T, sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp BH, xã QP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn anh Phạm Hoàng M trình bày:**

- Về hôn nhân: Anh Phạm Hoàng M và chị Lái Thị T đám cưới ngày 14/12/2018, có đăng ký kết hôn tại xã QP, huyện ĐD. Sau khi kết hôn chị T dạy học nhưng vợ chồng sống chung với cha mẹ, chị T làm dâu. Quá trình chung sống đến khoảng một tháng nay phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị T không tôn trọng gia đình anh, giữa anh chị không hợp nhau, gia đình có hòa giải nhưng không được và ly thân khoảng 6 tháng nay. Nay anh M xin ly hôn chị T.

- Về con chung: Phạm Hoài K (nam), sinh ngày 19/11/2019 đang do chị T nuôi từ khi ly thân cho đến nay. Khi ly hôn anh M đồng ý giao con cho chị T nuôi, trường hợp chị T không nuôi thì giao lại cho anh nuôi, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ người khác và người khác nợ lại: Không có.

** Bị đơn chị Lái Thị T trình bày*

- *Về hôn nhân:* Chị T với anh M đám cưới vào ngày 09/01/2019, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại xã QP. Sau khi kết hôn anh chị thuê nhà trọ sống riêng không ở chung gia đình anh M. Tuy nhiên cuối tuần anh chị thường về gia đình anh M vào thứ 7 và chủ nhật thăm cha mẹ chồng. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, trầm trọng nhất vào ngày 03/01/2024, nguyên nhân do bình thường chị đi làm để con cho anh M chăm sóc, chị về rước con đi chơi nhưng anh M không cho, hai bên cự cãi nhau, cha chồng đuổi chị đi và ly thân, nay anh M xin ly hôn chị T không đồng ý, trường hợp anh M cương quyết ly hôn thì chị đồng ý.

- *Về con chung:* Phạm Hoài K (nam), sinh ngày 19/11/2019 do chị T nuôi từ khi ly thân cho đến nay, khi ly hôn chị T đồng ý tiếp tục nuôi con, yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày xét xử.

- *Tài sản chung:* Có một chiếc xe hiệu Wave RSX biển số 69F1- 49344 do anh M đứng tên, thỏa thuận giao cho anh M được hưởng, anh M giao trả giá trị cho chị là 12.000.000 đồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ người khác, người khác nợ lại:* Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Phạm Hoàng M và chị Lái Thị T kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QP, huyện ĐD vào ngày 28/12/2018 đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu ly hôn của anh M thấy rằng, quá trình giải quyết vụ án anh M và chị T đều xác định trong quá trình chung sống giữa anh chị đã xảy ra mâu thuẫn và ly thân. Do đó, cho thấy trong quá trình chung sống giữa anh chị đã xảy ra mâu thuẫn, từ đó quan hệ hôn nhân không còn tồn tại, nếu tiếp tục duy trì cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh M cho anh M được ly hôn chị T.

[2] Về con chung: Xét thấy, cháu K do chị T nuôi dưỡng từ khi anh chị ly thân cho đến nay, anh M cũng đồng ý giao cháu K cho chị T nuôi dưỡng nên tiếp tục giao cháu K cho chị T nuôi là phù hợp. Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T thấy rằng: Tại khoản 1 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về mức cấp dưỡng: “ *Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.* ”. Căn cứ vào điều luật viện dẫn, xét thấy hiện nay chị T là người có thu nhập nhưng không cao, tại thời điểm xét xử cháu Phạm Hoài K chỉ hơn 4 tuổi nên hàng tháng cần phải có nhiều chi phí để đảm bảo nhu cầu thiết yếu cho trẻ nhỏ và điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng. Mặt khác, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn là trách nhiệm chung của cha mẹ nên ngoài nghĩa vụ

của chị T nuôi con thì anh M là người không trực tiếp nuôi con cũng phải có nghĩa vụ góp phần để nuôi dưỡng con chung. Do đó, Hội đồng xét xử buộc anh M phải cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng số tiền là 1.500.000 đồng là phù hợp. Mức cấp dưỡng có thể thay đổi theo quy định của pháp luật.

Về thời điểm cấp dưỡng: Xét yêu cầu của chị T yêu cầu cấp dưỡng từ ngày xét xử (ngày 21/3/2024) thấy rằng, tại Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con*”. Viện dẫn điều luật trên cho thấy trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh M và chị T đều xác định khi giữa anh chị đã xảy ra mâu thuẫn và ly thân, chị T là người nuôi con cho đến nay. Do anh M đã không trực tiếp nuôi con nên buộc anh M phải thực hiện nghĩa vụ cấp nuôi con tính từ ngày 21/3/2024 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi là phù hợp.

[3] Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Tài sản chung anh chị tự phân chia, nợ không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và cấp dưỡng nuôi con, anh M phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 53, 56, 57, 58, khoản 2 Điều 59, 81, 82, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Hoàng M, cho anh Phạm Hoàng M được ly hôn chị Lái Thị T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Phạm Hoài K (nam), sinh ngày 19/11/2019 cho chị Lái Thị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2. Anh Phạm Hoàng M không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3. Buộc anh Phạm Hoàng M phải cấp dưỡng nuôi con Phạm Hoài K mỗi tháng số tiền là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 21/3/2024 cho đến khi cháu Phạm Hoài K đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Lái Thị T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền phải trả thì hàng tháng anh Phạm Hoàng M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

3.1. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Phạm Hoàng M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí

hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0000745 ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; anh M đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3.2. Án phí cấp dưỡng nuôi con anh Phạm Hoàng M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Ủy ban nhân dân xã Quách Phẩm;
- Các đương;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Biện Thị Nhung

